

## **PHẦN I: SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Lai Vung có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây có múi các loại phổ biến như: quýt Hồng, quýt đường, cam soàn...trong đó quýt Hồng được trồng trước nhất và gắn bó với nông dân huyện Lai Vung hơn 50 năm qua. Từ lúc bắt đầu cho đến năm 1999 diện tích quýt Hồng liên tục phát triển và đạt hơn 1.000 ha, năm 2000 do lũ tạo điều kiện cho dịch bệnh phát triển gây hại nên diện tích suy giảm về dưới 400 ha. Sau đó diện tích tăng trở lại liên tục hằng năm do giá cả tiêu thụ luôn ở mức có lãi cao hơn nhiều lần so với trồng lúa. Đỉnh điểm phát triển được tích lũy từ 2010 đến 2014, mỗi năm tăng bình quân hơn 100 ha nâng tổng diện tích lên gần 1.200 ha. Các cây quýt đường, cam soàn cũng bắt đầu phát triển mạnh từ những năm này và tăng năm sau cao hơn năm trước góp phần nâng tổng diện tích cây có múi của huyện lên 5.280 ha tính đến năm 2018. Trong thời gian này, tùy thời điểm giá cả có thể lên xuống bất thường nhưng nhìn chung tất cả đều có lãi từ đó có thể thấy người dân trong vùng trồng cây có múi của huyện đa số có đời sống khá sung túc, nhà cửa khang trang. Chỉ tiêu cầu đường trường trạm nhờ sự góp sức của bà con mà chính quyền địa phương xây dựng nhanh chóng được hoàn thành.

Kèm theo sự thâm canh tăng năng suất thì sâu bệnh cũng phát triển theo, bắt đầu từ khoảng năm 2012 các vùng quýt Hồng truyền thống xuất hiện hiện tượng vàng lá thối rữa, héo xanh, tỷ lệ bệnh tăng dần qua các năm đến năm 2017 bệnh tăng vọt về diện tích và mức độ, các cây quýt đường và cam soàn cũng chung tình trạng với diện tích 5.372 ha cây có múi của huyện nhiễm nặng không cho năng suất hơn 2.500 ha và đã đồn bỏ 1.500 ha các loại.

Trước tình hình đó, Viện Nghiên cứu Cây ăn quả Miền Nam, Trường Đại học Cần Thơ đã vào cuộc khảo sát và nhận thấy hầu hết các vườn cây bệnh đều có pH thấp, thiếu hữu cơ trầm trọng dẫn đến đất bị nén chặt gây hiện tượng thủy cấp treo tạo điều kiện cho tuyến trùng phát triển chích hút mở đường cho các nấm bệnh tấn công gây dịch bệnh. Nhận thấy tính khả thi và khoa học của các kết luận trên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Tháp phối hợp Trường Đại học Cần Thơ tổ chức nghiên cứu biện pháp khắc phục và bước đầu đã đề ra qui trình tạm thời nếu được áp dụng sẽ mang lại hiệu quả lớn.

Xuất phát từ yêu cầu vực dậy ngành hàng từng một thời đóng góp lớn cho GDP của huyện và cũng nhằm duy trì phát triển loại trái cây đặc sản được Cục Sở hữu Trí tuệ bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nên việc xây dựng “Đề án bảo tồn quýt Hồng huyện Lai Vung” là rất cấp thiết góp phần giữ vững diện tích và tăng thu nhập bình quân cho nông dân, giúp Lai Vung nhanh chóng đạt tiêu chuẩn huyện nông thôn mới theo đăng ký trong những năm sắp tới.

### **II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

#### **1. Cơ sở pháp lý:**

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Quyết định số 470/QĐ-TTg ngày 30/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020;
- Nghị quyết số 221/2018/NQ-HĐND ngày 6/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thông qua Quy hoạch nông nghiệp, phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp về phòng, chống hiện tượng vàng lá thối rễ, chết xanh trên cây có múi tỉnh Đồng Tháp giai đoạn từ năm 2019 – 2021;
- Công văn số 383/VPUBND-KT ngày 27/2/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp về việc xây dựng Đề án bảo tồn, khôi phục cây quýt Hồng trên địa bàn huyện Lai Vung;
- Báo cáo Rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông nghiệp, phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh Đồng Tháp năm 2018;
- Bản đồ vùng trồng được Cục Sở hữu Trí tuệ bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “quýt Hồng Lai Vung”.

## **2. Cơ sở khoa học:**

- Điều kiện tự nhiên huyện Lai Vung về khí hậu, thổ nhưỡng, nguồn nước thích hợp cho sự phát triển của cây quýt Hồng;
- Nông dân canh tác quýt Hồng nhiều năm do đó có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.
- Căn cứ quy trình kỹ thuật tạm thời khắc phục hiện tượng vàng lá thối rễ, chết xanh cây có múi do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp phối hợp Trường Đại học Cần Thơ biên soạn.
- Báo cáo tổng kết đánh giá hiện trạng sản xuất kinh doanh và sự phát triển dịch bệnh trên cây trồng hằng năm của ngành nông nghiệp huyện có liên quan đến quýt Hồng.
- Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát kỹ thuật canh tác của 30 hộ nông dân trồng quýt Hồng bị nhiễm bệnh của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Lai Vung năm 2018.

- Kết quả nghiên cứu Đề tài: “Nguyên nhân và biện pháp khắc phục bệnh vàng lá thối rễ và chết xanh trên quýt Hồng huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp” của Viện Nghiên cứu Cây ăn quả Miền Nam năm 2012 – 2017.

- Báo cáo Kết quả bước đầu nghiên cứu sự suy thoái đất trên vùng trồng cây có múi huyện Lai Vung của Trường Đại học Cần Thơ năm 2018.

- Báo cáo tổng hợp kết quả khoa học đề tài “Cải thiện phẩm chất trái quýt Hồng huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (giai đoạn 1) của Viện Cây ăn quả Miền Nam, năm 2020.

## **PHẦN II: HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT, TIÊU THỤ QUÝT HỒNG TẠI HUYỆN LAI VUNG**

### **I. HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT QUÝT HỒNG**

#### **1. Về diện tích, năng suất, sản lượng, giá trị:**

Theo kết quả điều tra của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Lai Vung, đến tháng 11 năm 2019 diện tích quýt Hồng của Lai Vung là 801,96 ha giảm 374 ha so với năm 2016, chủ yếu phân bố trên các xã Long Hậu, Tân Phước, Tân Thành và một phần ở Hòa Long. Hiện tại diện tích xem như chưa nhiễm bệnh 19,40 ha, diện tích nhiễm bệnh 782,6 ha trong đó nhiễm nhẹ 49,59 ha, nhiễm trung bình 119,62 ha, nhiễm nặng 613,35 ha và diện tích này đã đốn bỏ 365,9 ha để trồng lại các cây khác như quýt đường, mít, mận...còn lại 247,46 ha nhiễm nặng chưa đốn nhưng không cho năng suất (*Phụ lục 1*). Trên diện tích nhiễm nhẹ và trung bình, năng suất cũng giảm sâu do vậy vụ quýt Hồng 2019 chỉ còn khoảng 4.000 tấn so với hơn 20.000 tấn năm 2018 và hơn 30.000 tấn các năm trước đó (Báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp huyện năm 2019).

#### **2. Tình hình sản xuất:**

##### **2.1. Giống:**

Từ lúc bắt đầu trồng cách đây hơn 50 năm các nhà vườn chủ yếu nhân giống quýt Hồng bằng cách ươm hạt, sau đó thấy cây sinh trưởng mạnh chồi ngọn, ít rễ bàn dễ bị gió lay làm cây đổ ngã nên chuyển sang chiết cành ra trồng. Phương pháp này thực hiện một thời gian dài đến khoảng năm 1996 – 2000 cây bắt đầu có dấu hiệu chết với triệu chứng vàng lá thối rễ và héo xanh (Trạm BVTV huyện Lai Vung).

Kết quả nghiên cứu của Viện Cây ăn quả Miền Nam cho thấy sau hơn 4 năm trồng, cây quýt Hồng ghép trên gốc cam 3 lá sinh trưởng rất kém; cây quýt Hồng ghép trên gốc Volka sinh trưởng rất mạnh nhưng tỷ lệ chết cây do bệnh héo xanh cao hơn nhiều so với trồng bằng nhánh chiết. Do đó, nông dân không chấp nhận nên vẫn duy trì nhân giống bằng phương pháp chiết truyền thống đến nay.

##### **2.2. Về kỹ thuật canh tác:**

Từ trước năm 2000 bà con lên liếp trồng quýt Hồng bằng phương pháp đào liếp thủ công kích thước mặt bờ 5m, cao khoảng 0,6 – 0,7m so với mặt ruộng vẫn giữ lớp mặt phía trên, sau đó đến mùa nước nổi đưa đất mặt nơi khác về kê thêm đủ độ cao khoảng 1m so mặt ruộng thì gom mô trồng theo khoảng cách 3m x 3m và giữ ổn định không lợp thêm mặt bờ về sau. Giai đoạn này nhà vườn chủ yếu bón các loại phân hóa học như: DAP, Urê, lân các loại với lượng 200 – 300 kg/ha/lần bón. Tuy thiếu Kali nhưng do bón với lượng vừa phải nên sâu bệnh tuy có nhưng nhẹ; riêng bệnh vàng lá thối rễ, héo xanh phát triển 10 – 20% diện tích nhưng ở mức độ chưa gây chết cây (Trạm BVTV huyện Lai Vung, ) nhờ đó vườn vẫn được giữ vững. Đến mùa lũ năm 2000, nước dâng cao, hệ thống đê bao từng tiểu vùng chưa xây dựng xong; bờ vùng, bờ thửa nhà vườn không ngăn được nước nên hơn 70% diện tích vườn bị ngập dẫn đến chết cây hàng loạt.

Giai đoạn 2000 – 2005 nhà vườn chưa phát triển diện tích mới mà chỉ trồng dặm lại trên nền cũ. Công thức phân và các chăm sóc khác vẫn như trước nên bệnh vàng lá thối rễ, héo xanh tiếp tục gây hại trên các cây còn lại sau lũ, các cây trồng dặm thì sinh trưởng phát triển ổn định.

Giai đoạn 2006 – 2010 diện tích quýt Hồng bắt đầu tăng trở lại, xuất hiện nhiều hộ dân lên liếp bằng cơ giới cũng theo phương pháp đắp lớp mặt lên trên sau đó gom mô trồng. Khi cây cho trái thì đưa đất mặt nơi khác về kê thêm để tăng độ phì. Giai đoạn này nhờ Dự án “100 ha vườn quýt kiểu mẫu” của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho Trung tâm Khuyến nông thực hiện trên vùng quýt Hồng của huyện (năm 2005) nên nhà vườn Lai Vung đã biết sử dụng phân hóa học cân đối NPK như: 20-20-15, 16-16-8...đặc biệt Dự án đã hướng dẫn sử dụng phân hữu cơ truyền thống (phân chuồng, rơm mục...) bón cho vườn nhằm tăng độ tơi xốp, cung cấp thêm đa, trung, vi lượng cho đất, là nguồn thức ăn cho các vi sinh vật đất có lợi phát triển lấn át các vi sinh vật có hại. Do vậy theo ghi nhận của Trạm Bảo vệ thực vật huyện thì đây là giai đoạn cây quýt Hồng ít bị hiện tượng vàng lá thối rễ, héo xanh (tỷ lệ bệnh  $\leq 1-2\%$  diện tích).

Giai đoạn 2011 – 2016 hiện tượng chở đất lấp mặt từ nơi khác về lợp vườn đang cho trái phát triển mạnh. Bình quân cứ khoảng 3 năm lợp một lần, độ dày tầng đất khoảng 10 - 20cm tùy theo mỗi nhà vườn. Công thức phân bón cũng tăng cao, bình quân 400 – 500 kg NPK/lần bón/ha. Nhà vườn cũng bỏ tập quán dùng hữu cơ truyền thống (phân chuồng, rơm mục ủ hoai) để dần chuyển sang dùng hữu cơ khoáng (Viết Thái Tính, Gà Viễn Khang 6-5-5, SL 3-3-3...) bón cho cây. Bình quân mỗi lần bón hữu cơ khoáng 1-2 tấn/ha, mỗi năm bón thấp nhất 2 lần đã nâng tổng lượng phân khoáng lên 600 – 800 kg/ha/1 lần bón (khoáng vô cơ + khoáng trong hữu cơ), hàm lượng phân khoáng này cao hơn 2 lần so với khuyến cáo trong quy trình kỹ thuật trồng quýt Hồng do Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đồng Tháp biên soạn (200 – 300 kg NPK/ha/lần bón). Bệnh vàng lá thối rễ, héo xanh do vậy đã phát triển và gây hại ngày càng nặng hơn so

với trước đây (kết quả điều tra của ngành nông nghiệp huyện phồng vấn 30 hộ trồng quýt Hồng có vườn bệnh năm 2018). Nhận thấy điều đó, năm 2011 ngành nông nghiệp tham mưu UBND huyện đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp tổ chức nghiên cứu biện pháp khắc phục. Viện Nghiên cứu CAQ Miền Nam đã vào cuộc (năm 2012 – 2017) và báo cáo kết quả do pH thấp cây không hấp thu được dinh dưỡng và có sự xuất hiện nhiều của nhện tấn công rễ tạo vết thương mở cửa cho nấm *Fusarium* sp, *Phytophthora* sp. xâm nhập gây bệnh làm chết cây.

Giai đoạn 2017 – 2019 do tập quán canh tác trên không thay đổi nên bệnh vàng lá thối rễ và héo xanh phát triển mạnh và gây hại trên hầu hết diện tích canh tác quýt Hồng của huyện với nhiều mức độ khác nhau trong đó có hơn 600 ha nhiễm nặng và đã đốn bỏ trên 350 ha (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Lai Vung, 2019). Từ báo cáo tình hình dịch bệnh của UBND huyện Lai Vung, UBND tỉnh Đồng Tháp đã mời Trường Đại học Cần Thơ phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp thực hiện nghiên cứu nguyên nhân và tìm biện pháp khắc phục dịch bệnh. Kết quả ban đầu cho thấy ngoài các nguyên nhân theo Viện Nghiên cứu CAQ Miền Nam báo cáo, còn có tác nhân khác như: đất ở thể khử đưa lên liếp sẽ sinh phèn làm pH thấp, rễ cây bị ngộ độc; có lớp sét gần mặt (cách mặt đất 20 – 30cm) nên dễ bị oi nước vào mùa mưa dẫn đến hư bộ rễ; có sự xuất hiện của tuyến trùng tấn công rễ tạo vết thương mở đường cho nấm *Fusarium*, *Phytophthora* xâm nhập gây hại; đất trồng thiếu hữu cơ trầm trọng nên bị nén dẽ không đủ điều kiện cho các vi sinh vật có lợi trong đất phát triển cân bằng với các dòng vi sinh vật có hại cho bộ rễ của cây.

Từ các cơ sở trên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ biên soạn “Quy trình kỹ thuật tạm thời khắc phục hiện tượng vàng lá thối rễ, héo xanh trên cây có múi” và xây dựng 05 mô hình trình diễn, thực hiện trong 03 năm (2019 – 2021). Kết quả ghi nhận đến thời điểm hiện tại các cây trong từng mô hình không còn hiện tượng vàng lá thối rễ hoặc héo xanh. Tùy từng tuổi cây mà khả năng hồi phục khác nhau; đối với cây 15 năm tuổi trở lên phục hồi chậm (mô hình vườn Ông Hón xã Long Hậu), cây dưới 10 năm tuổi hồi phục rất nhanh và ra hoa kết trái bình thường như vườn không bị bệnh (mô hình vườn Ông Đầy xã Long Hậu). Các vườn mô hình còn lại do mới thay đổi nên sự hồi phục chưa rõ, nhưng hầu hết các cây không còn triệu chứng bị chết cây.

### **3. Hiệu quả kinh tế trong sản xuất cây quýt Hồng: (Phụ lục 2)**

Khoảng năm 2000 về trước do đất đai còn phì nhiêu, khí hậu thời tiết thuận lợi, cây có bệnh nhưng không chết nên nhà vườn mạnh dạn đầu tư nâng tổng diện tích đến thời điểm năm 2000 khoảng 600 ha. Giá thành sản xuất giai đoạn này rất thấp (1.500 đ/kg), tổng chi phí 65 triệu đồng/ha; giá bán tốt (6.000 – 7.000 đ/kg), lợi nhuận trung bình 114 triệu đồng/ha, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn bình quân 175% nên rất hấp dẫn nông dân trồng quýt.

Giai đoạn 2000 – 2005 nhà vườn chỉ trồng đậm trên diện tích cũ không mở rộng diện tích mới nên diện tích, năng suất và sản lượng giảm đột ngột kéo theo lợi nhuận giảm thấp so với trước. Tổng chi phí sản xuất trung bình 135 triệu đồng/ha, giá thành sản xuất 7.714 đồng/kg; tuy nhiên giá bán không cao 8.500 đồng/kg, lợi nhuận khoảng 14 triệu đồng/ha, tỷ lệ lợi nhuận 10%.

Giai đoạn 2006 – 2010 nhờ Đề án “100 ha vườn quýt kiểu mẫu” hướng dẫn nhà vườn bón phân cân đối quản lý vườn theo quy trình quản lý dịch hại tổng hợp, bổ sung hữu cơ truyền thống cho đất đã tạo nên một phong trào phát triển diện tích, thâm canh tăng năng suất ở trình độ cao và duy trì ổn định trong một thời gian khá dài, dẫn đến lợi nhuận giai đoạn này cao hơn so với giai đoạn năm 2000 trở về trước. Tổng chi phí sản xuất 225 triệu đồng/ha, giá thành sản xuất 6.923 đồng/kg, giá bán 23.000 đồng/kg, lợi nhuận đạt 523 triệu đồng/ha, tỷ lệ lợi nhuận 232%.

Giai đoạn năm 2011 – 2016 nhà vườn bắt đầu chuyển sang bón hữu cơ khoáng bổ sung cho đất thay cho phân hữu cơ truyền thống, bệnh chết cây bắt đầu xuất hiện làm giảm nhẹ diện tích, lợi nhuận do vậy giảm hơn giai đoạn 2006 - 2010 và trước năm 2000. Lợi nhuận trung bình 409 – 501 triệu đồng/ha, tỷ lệ lợi nhuận 117 – 143%.

Giai đoạn 2017 – 2018 bệnh chết cây bắt đầu phát triển mạnh, các diện tích vườn cũ bị giảm nhiều, nhưng tổng diện tích không giảm là do nhà vườn đầu tư mới; năng suất, sản lượng sụt giảm, chi phí đầu tư lớn dẫn đến lợi nhuận thấp hơn giai đoạn 2011-2016. Lợi nhuận trung bình 250 – 350 triệu đồng/ha, tỷ lệ lợi nhuận 71-100%.

Đến năm 2019 tổng diện tích trồng theo điều tra vẫn còn 801,96 ha tương đương 2 năm trước nhưng gần như toàn bộ diện tích đã bị nhiễm bệnh nặng. Năng suất, sản lượng sụt giảm mạnh, chi phí đầu tư lớn dẫn đến nông dân bị lỗ. Nếu đầu tư chi phí theo quy trình kỹ thuật tạm thời khắc phục hiện tượng vàng lá, thối rễ, héo xanh trung bình tốn chi phí 550 triệu đồng/ha, lợi nhuận chỉ đạt 144 triệu đồng/ha, giá thành sản xuất 27.036 đồng/kg, tỷ lệ lợi nhuận 36% đối với cây quýt Hồng dưới 10 năm tuổi. Đối với quýt Hồng trên 10 năm tuổi, khả năng phục hồi kém, chi phí đầu tư có thể không đem lại lợi nhuận, thậm chí bị lỗ do đó cần cân nhắc khi đầu tư để khắc phục.

Trong giai đoạn 2017-2019 tổng chi phí đầu tư kiến thiết cơ bản để trồng mới cây quýt Hồng trong 3 năm là 1.427 triệu đồng/ha. Trong giai đoạn này chưa tính lợi nhuận (*Phụ lục 10*).

#### **4. Khả năng tham gia của người nông dân trong Đề án:**

##### **4.1. Về mặt kỹ thuật:**

Qua khảo sát thực tế, đa số người nông dân từng trồng quýt Hồng cho rằng hiệu quả kinh tế của cây quýt Hồng có thể đạt cao nhất trong các loại cây ăn trái trồng tại địa phương, do đó họ không bao giờ từ bỏ trồng quýt Hồng; Đồng thời, nhà vườn có rất nhiều kinh nghiệm, sẵn sàng chấp nhận và thực

hiện theo quy trình kỹ thuật khắc phục dịch bệnh và trồng lại cây quýt Hồng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trường Đại học Cần Thơ khuyến cáo.

#### **4.2. Về mặt vốn đầu tư:**

Qua khảo sát nhanh khả năng của nhà vườn tham gia Đề án cho thấy:

- Tỷ lệ số hộ có vốn tham gia dự án là 57%.
- Tỷ lệ số hộ không đủ vốn tham gia là 43%.
- Tỷ lệ số hộ thống nhất chọn phương án hỗ trợ vật tư trong 2 năm là 100%.

#### **5. Tổ chức sản xuất:**

Giai đoạn năm 2000 về trước các vườn trồng nhỏ lẻ manh mún, đa số nông dân tự lên bờ bao bảo vệ vườn của mình. Chính quyền địa phương chưa quy hoạch đề bao theo tiểu vùng để chống lũ nên đến năm 2000 hầu hết vườn cây đều bị ngập và chết rất nhiều.

Giai đoạn năm 2000 – 2005 các vườn gần nhau bắt đầu tổ chức liên kết xây dựng đề bao chống lũ. Các vùng trồng tập trung lớn, chính quyền địa phương bắt đầu quy hoạch thành các đề bao kín thoát lũ năm 2000.

Giai đoạn năm 2006 – 2010 chính quyền địa phương tiếp tục khuyến khích nông dân lên vườn gần nhau để xây dựng thành những tiểu vùng, từ đó hình thành các tổ hợp tác tổ chức mua phương tiện bơm nước để chống lũ an toàn tuyệt đối.

Giai đoạn năm 2011 đến nay các địa phương tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống cống, bọng và đường giao thông theo các tiểu vùng để điều tiết nước chống lũ, vận chuyển trái cây và các loại hàng hóa khác. Đặc biệt trong giai đoạn này ngoài việc xây dựng các tổ hợp tác, các ban quản lý tiểu vùng, mỗi xã có trồng quýt Hồng đều xây dựng được một hợp tác xã (4 hợp tác xã) đảm nhiệm vai trò tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn thị trường đặt ra để liên kết tiêu thụ sản phẩm; đại diện liên hệ với các công ty để cung ứng vật tư thuốc bảo vệ thực vật cho nhà vườn với giá rẻ nhất. Tuy nhiên các nhiệm vụ này đến nay vẫn chưa thực hiện tốt do trình độ ban giám đốc hợp tác xã còn hạn chế, các thành viên cũng chưa nhiệt tình ủng hộ do họ quen mua bán trực tiếp với các thương lái theo truyền thống.

Tóm lại sản xuất cây quýt Hồng tại huyện Lai Vung chủ yếu chưa có liên kết giữa các hộ với nhau. Tiêu thụ hầu hết không có hợp đồng giữa người sản xuất với người tiêu dùng; không liên doanh, liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp. Với hình thức này đương nhiên tồn tại việc “mạnh ai nấy làm” “được mùa rớt giá, được giá mất mùa” cứ lặp đi lặp lại. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc không điều tiết và kiểm soát được sản lượng và chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của thị trường; đồng thời với mô hình kinh tế hộ, các chủ hộ không đủ điều kiện đầu tư mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

## **II. TÌNH HÌNH BẢO QUẢN, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ**

### **1. Tình hình bảo quản, sơ chế, chế biến:**

Quýt Hồng chủ yếu được bán tươi, không qua sơ chế, chưa có cơ sở chế biến. Đa số nông dân chưa được hướng dẫn kỹ thuật thu hoạch, bảo quản, sơ chế nên chất lượng không đồng đều.

### **2. Tình hình tiêu thụ:**

Quýt Hồng Lai Vung chủ yếu bán tươi và tập trung vào khoảng giữa tháng 12 đến Tết Nguyên đán. Các thị trường tiêu thụ truyền thống vẫn là trong và ngoài tỉnh từ Đồng bằng sông Cửu Long đến thành phố Hồ Chí Minh, chỉ vài trăm tấn được tiêu thụ ở thị trường Miền Trung nhưng chất lượng thường bị giảm.

Theo thống kê từ khoảng năm 2000 về trước với diện tích bình quân 600 ha, sản lượng khoảng 20.000 tấn/năm thậm chí năm 2006 diện tích 950 ha, sản lượng gần 30.000 tấn/năm vẫn chưa thấy có hiện tượng đội chợ Tết thảm hại (rớt giá do đọng hàng). Nhưng từ khoảng năm 2007 về sau khi diện tích tăng hơn 1.000 ha, sản lượng tăng hơn 30.000 tấn – 40.000 tấn/năm thì liên tục rớt giá do đội chợ Tết. Các năm 2017, 2018 hiện tượng trên giảm do sản lượng giảm và đặc biệt năm 2019 sản lượng giảm chỉ còn khoảng 4.000 tấn/năm thì chợ Tết cực kỳ khan hiếm, giá cả do vậy cũng tăng gấp 2 thậm chí gấp 3 lần (quýt loại 1) so với các năm trước.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Qua khảo sát thực trạng sản xuất nhận thấy bệnh vàng lá thối rễ, héo xanh trên cây quýt Hồng của huyện Lai Vung có mối tương quan với các yếu tố sau:

- Về kỹ thuật canh tác: Quýt Hồng thích hợp trồng trên đất được lên liếp có thoát nước mùa mưa và không thích hợp việc lợp thêm đất mặt khi cây đang cho trái vì đất dễ bị hồ mặt, gây nghẹt rễ và hiện tượng oi nước gây hư rễ.

Hiện tượng vàng lá thối rễ, héo xanh tăng cao khi bón phân hữu cơ khoáng với lượng lớn kết hợp với bón phân vô cơ theo công thức thâm canh của nhà vườn, dẫn đến hiện tượng thừa phân hóa học, làm cho dịch bệnh phát triển mạnh; đất bị chua do pH giảm.

Cây sinh trưởng và phát triển tốt khi có bón phân hữu cơ truyền thống bổ sung hàng năm với công thức phân vô cơ theo tài liệu khuyến cáo của Trung tâm Khuyến nông tỉnh trước đây biên soạn. Đồng thời cập nhật thêm các giải pháp cải thiện đất, quản lý bệnh và chăm sóc vườn theo quy trình kỹ thuật tạm thời khắc phục hiện tượng vàng lá thối rễ, chết xanh trên cây có múi do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp phối hợp Đại học Cần Thơ biên soạn.

- Về giống: quýt Hồng thích hợp trồng từ nhánh chiết, vì khi trồng trên các gốc ghép thì bệnh phát triển mạnh hoặc sinh trưởng kém.

- Các yếu tố về liên kết chống lũ kém thì bệnh chết cây phát sinh; sản xuất với diện tích lớn và tập trung cho vụ Tết thì đựng hàng dôi chợ; không liên kết tiêu thụ thì giá cả bấp bênh, cũng cần được rút kinh nghiệm để xây dựng đề án bảo tồn với diện tích vừa phải, khả thi hiệu quả vì được toàn bộ hệ thống chính trị từ tỉnh, huyện, xã, bà con nhà vườn đồng tình ủng hộ và đồng tâm hiệp lực thực hiện.

### **PHẦN III: NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung:**

- Bảo tồn vùng trồng quýt Hồng tập trung theo bản đồ quy hoạch thuộc Dự án “Tạo lập quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận quýt Hồng Lai Vung” thuộc các xã Long Hậu, Tân Phước, Tân Thành và phát triển sang vùng phụ cận thuộc xã Hòa Long.

- Bảo tồn nguồn gen cây quýt Hồng bản địa, phục vụ công tác nhân giống và duy trì sản xuất bền vững.

##### **2. Mục tiêu cụ thể:**

Phấn đấu đến năm 2024 diện tích bảo tồn đạt 546,63 ha (**Phụ lục 3**), trong đó:

- Khu vực khắc phục dịch bệnh: 198,71 ha.
- Khu vực trồng lại hoàn toàn: 347,92 ha.

#### **II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Giải pháp về quy hoạch:**

- Căn cứ bản đồ vùng trồng quýt Hồng thuộc Dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận quýt Hồng Lai Vung” thuộc các xã Long Hậu, Tân Phước, Tân Thành và có mở rộng một phần diện tích xã Hòa Long (**Phụ lục 4**).

- Căn cứ báo cáo điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn đến 2025, tầm nhìn 2030 của UBND tỉnh Đồng Tháp.

##### **2. Giải pháp về khoa học công nghệ:**

- Cập nhật tất các kết quả nghiên cứu của các đề tài, chương trình, dự án... của các Viện Trường về xác định đầy đủ tác nhân gây bệnh vàng lá thối rễ, héo xanh, cây giống phù hợp.

- Kết quả nghiên cứu đánh giá nhu cầu dinh dưỡng cây có múi của Trường Đại học Cần Thơ nhằm đề xuất biện pháp quản lý đất đai và phân bón để canh tác bền vững cây quýt Hồng của huyện.

##### **3. Giải pháp đào tạo, tập huấn, thông tin - tuyên truyền:**

- Tổ chức 11 buổi triển khai kế hoạch thực hiện tại 11 tiểu vùng tham gia Đề án.

- Tổ chức 60 lớp đào tạo cán bộ kỹ thuật, nông dân tham gia thực hiện Đề án để thống nhất quy trình hướng dẫn, rèn luyện tay nghề chiết ghép cây có múi, quy trình sản xuất trái cây an toàn GAP. Mỗi năm 12 lớp, 30 học viên/lớp, thời gian 01 ngày/lớp, từ năm 2020 – 2024.

- In ấn và phát cho nông dân trồng quýt 5.000 tài liệu về quy trình tạm thời khắc phục hiện tượng vàng lá thối rễ, chết xanh trên cây có múi.

- In ấn 5.000 tờ bướm hướng dẫn ủ phân hữu cơ, lồng ghép trong các cuộc tọa đàm, tập huấn, sinh hoạt hội quán.

- Thực hiện 01 Clip về quy trình ủ phân hữu cơ, các giải pháp kỹ thuật khắc phục tạm thời bệnh vàng lá thối rễ, chết xanh trên cây có múi cùng biện pháp quản lý một số sâu bệnh chính trên quýt Hồng...

- Phối hợp Đài Truyền thanh xã thuộc vùng Đề án, thông tin thường xuyên tiến độ thực hiện, quy trình khắc phục tạm thời hiện tượng vàng lá thối rễ, chết xanh; các địa chỉ sản xuất, cung cấp nguyên liệu ủ phân hữu cơ (rơm mục, phân bò, hoặc các loại xác bã động thực vật khác...), cung cấp Trichoderma, giống quýt Hồng...

- Tổ chức 05 buổi sơ, tổng kết về kết quả thực hiện Đề án.

#### **4. Giải pháp về cơ giới hoá sản xuất:**

Thí điểm hỗ trợ 02 máy xeo đất cho Trung tâm DVNN huyện Lai Vung trực tiếp vận hành và quản lý trong năm 2021.

Tùy thuộc vào kết quả thực hiện, Huyện sẽ nhân rộng hỗ trợ cho các HTX, THT, Hội quán thuộc các xã vùng đề án. Dự kiến hỗ trợ thêm 10 máy xeo đất trong hai năm tiếp theo (2022-2023).

#### **5. Giải pháp về kỹ thuật canh tác:**

Áp dụng quy trình kỹ thuật tạm thời do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ biên soạn (Quy trình kèm theo), trong đó đặc biệt chú ý biện pháp cải tạo đất như sau:

##### **5.1. Đối với vùng khắc phục dịch bệnh:**

- Xẻ rãnh xương cá để tránh úng nước trong mùa mưa.

- Xeo đất qua khỏi lớp sét (lớp sét làm oi nước vào mùa mưa hay thiếu nước trong mùa nắng).

Sau khi xeo đất nên bón vôi nung (CaO) trước xử lý ra hoa 250g/gốc. Sau xử lý ra hoa 150g/gốc (bón 4-5 lần, khoảng 2 tháng 1 lần).

Bón tro trấu (sau khi bón vôi) để các rãnh xeo không lún lại: 2 – 4 kg/gốc. Tro trấu nguyên hạt hoặc trộn tro trấu + trấu tươi theo tỷ lệ “1:1” (Có thể thay

thể trấu tươi + tro trấu bằng trấu ủ lên men để bón, liều lượng 3 kg/gốc; bón 1-2 lần/năm).

- Bón Dolomite (dạng Calmag) cùng lúc với tro trấu: Trước xử lý ra hoa 300 g/gốc. Sau xử lý ra hoa 200 g/gốc (bón 3 lần, 3 tháng/lần).

- Bón phân hữu cơ ủ hoai (để đất được tơi xốp): Tối thiểu 10 kg/gốc vào khoảng 1 tuần sau khi xeo đất. Sau đó, cách 3 – 4 tháng, bổ sung phân hữu cơ 5 kg/gốc. Trước khi bón phân hữu cơ nên xới nhẹ lớp đất mặt bằng cuốc răng để phân tiếp xúc với rễ.

## **5.2. Đối với vùng trồng lại:**

- Chuẩn bị đất trồng:

+ Xeo đất qua khỏi lớp sét làm oi nước vào mùa mưa hay thiếu nước vào mùa nắng.

+ Đào hố trồng: Đường kính khoảng 50 – 60 cm, sâu 30 – 40 cm. Sau đó bón hữu cơ ủ hoai khoảng 15 kg/hố, trộn đều với đất.

+ Đắp mô: Chiều cao 15 – 20 cm, đường kính 50 – 60 cm.

- Các biện pháp kỹ thuật khác áp dụng giống như vườn khắc phục dịch bệnh.

## **6. Giải pháp sản xuất và cung ứng giống:**

### **6.1 Vùng khắc phục dịch bệnh:**

Diện tích vùng khắc phục dịch bệnh là 198,71 ha, hầu hết các vườn có số cây còn trên 70%; tỷ lệ các cây tốt nhân giống được còn khoảng 10 – 20%, do vậy không cần hỗ trợ giống mà chỉ khuyến khích tự chiết cành để trồng dặm.

### **6.2 Vùng trồng lại:**

- Diện tích cần trồng lại hoàn toàn là 347,92 ha, thời gian trồng lại dự kiến trong 3 năm, định mức hỗ trợ vật tư trong 2 năm:

- Định mức hỗ trợ giống: 750 cây/ha, hỗ trợ 50% cây giống.

- Tiêu chuẩn chọn giống: Tiêu chuẩn cây giống quýt Hồng phải đạt là giống khỏe và sạch bệnh.

- Nhu cầu cây giống: Tổng nhu cầu về cây giống để trồng lại trong 3 năm (2021-2023) là 260.940 cây.

<b>TT</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Nhu cầu giống (cây)</b>
1	Năm 2021	80	60.000
2	Năm 2022	120	90.000

3	Năm 2023	147,92	110.940
<b>Cộng</b>		<b>347,92</b>	<b>260.940</b>

- Phương án sản xuất, cung ứng cây giống:

a) Trung tâm Ứng dụng Nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Đồng Tháp là đơn vị nhận chuyển giao quy trình nhân giống quýt Hồng sạch bệnh từ Viện Cây ăn quả Miền Nam.

+ Trung tâm được giao 6 cây giống quýt Hồng được nhân lên từ 2 cây quýt Hồng đầu dòng được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bình tuyển và công nhận năm 2020.

+ Khả năng nhân giống bằng kỹ thuật ghép của Trung tâm khoảng 10.000 cây giống trong năm 2021.

+ Trung tâm được hỗ trợ xây dựng nhà lưới để nhân giống sạch bệnh.

b) Đặt hàng Viện Cây ăn quả Miền Nam nhân giống cây có múi sạch bệnh từ 02 cây đầu dòng:

+ Hợp đồng với Viện Cây ăn quả Miền Nam nhân giống cây có múi sạch bệnh bằng kỹ thuật vi ghép (invitro).

+ Khả năng nhân giống khoảng 20.000 cây trong thời gian 2 năm (2021-2022).

c) Khuyến khích các hợp tác xã, hội quán, nhà vườn hoặc người có năng lực và kinh nghiệm chọn vườn tốt, cây tốt để chiết cành, khoảng 50.000 - 70.000 nhánh quýt Hồng để trồng trong 3 năm (2021-2023).

d) Vận động các nhà vườn tự liên hệ mua cây giống đạt tiêu chuẩn sản xuất trong dân, khoảng 15.000 cây/năm, trong 3 năm (2021-2023) (chọn trong 13,7 ha trồng lại).

e) Vận động các doanh nghiệp, tổ chức có khả năng sản xuất giống và liên kết với nông dân trồng lại. Dự kiến khả năng sản xuất giống khoảng 50.000 cây giống trong 3 năm (2021-2023).

f) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Viện Cây ăn quả Miền Nam hỗ trợ bình tuyển, công nhận thêm khoảng 15 cây đầu dòng mới trong số diện tích nhiễm nhẹ - trung bình.

## **7. Giải pháp về sản xuất, cung ứng phân hữu cơ:**

### **7.1. Chủng loại phân hữu cơ:**

Do trong quy trình kỹ thuật sử dụng hữu cơ truyền thống để cải tạo đất nên Đề án đề xuất sử dụng phân hữu cơ là phân ủ từ rơm rạ (tươi hoặc đã qua chất nấm rơm) với phân bò, có sử dụng nấm đối kháng *Trichoderma* sp được áp dụng thành công trong 5 mô hình khắc phục bệnh vàng lá thối rễ, héo xanh trên

cây có múi của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp phối hợp Trường Đại học Cần Thơ. Có thể sử dụng một số phân hữu cơ khác có nguồn gốc tương tự tức là được sản xuất từ xác bã động, thực vật, phân chuồng hoai mục phối trộn với *Trichoderma* chuyên dụng. Không nên sử dụng hữu cơ phối trộn với phân vô cơ (hữu cơ khoáng) vì qua khảo sát hiện trạng thời gian qua nhận thấy đa số nhà vườn không hiểu nên sử dụng phân hữu cơ khoáng như hữu cơ truyền thống và đã bón lượng khá cao trên đơn vị diện tích (1.500 – 2.000 kg/ha/lần bón), sau đó bón phân phân hóa học với công thức thâm canh cao (khoảng 500 kg/ha/lần bón) tùy loại theo thời kỳ sinh trưởng của cây dẫn đến bệnh vàng lá thối rễ, héo xanh phát triển ngày càng nặng vì có dấu hiệu thừa phân nhất là phân đạm.

## 7.2. Nhu cầu:

- Định mức hỗ trợ phân hữu cơ: 15 tấn/ha/năm, thời gian hỗ trợ trong 2 năm.

- Nhu cầu: Tổng nhu cầu phân hữu cơ là 16.308,9 tấn.

TT	Thời gian	Diện tích (ha)	Nhu cầu phân hữu cơ (tấn)	Ghi chú
<b>I. Vùng KPDB</b>		<b>397,42</b>	<b>5.961,3</b>	
1	2021	198,71	2.980,65	
2	2022	198,71	2.980,65	
<b>II. Vùng trồng lại</b>		<b>695,84</b>	<b>10.437,6</b>	
1	2021	80	1.200	Trồng mới 80 ha
2	2022	200	3.000	Trồng mới 120 ha
3	2023	267,92	4.018,8	Trồng mới 147,92 ha
4	2024	147,92	2.218,8	
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.093,26</b>	<b>16.398,9</b>	

## 7.3. Phương án sản xuất, cung ứng:

Do Đề án đề xuất sử dụng hữu cơ tự ủ tại chỗ để có giá thành thấp nhất nên việc sản xuất, cung ứng được phân công như sau:

- Hằng năm vận động nhà vườn tự ủ khoảng 50% nhu cầu.

- Vận động hợp tác xã, tư nhân, doanh nghiệp mở cơ sở sản xuất phân hữu cơ truyền thống đáp ứng phần còn lại trong thời gian hỗ trợ của đề án (khoảng 50%).

- Rơm mục có từ quá trình chất nắm rơm hàng năm thải ra tại địa phương khoảng 70.000 – 100.000 tấn, đủ để sản xuất khoảng 15.000 – 20.000 tấn phân hữu cơ.

- Phân bón qua khảo sát nguồn cung:
- + Tại địa phương và các huyện lân cận trong tỉnh khoảng 5.000 tấn/năm.
- + Các tỉnh lân cận như: Bạc Liêu, Trà Vinh, vùng biên giới giáp Campuchia của tỉnh An Giang, Đồng Tháp khoảng hơn 10.000 tấn/năm.

Với lượng phân bón trên đủ để ủ phối trộn với rơm mục tại địa phương theo tỷ lệ 3:1 (3 rơm:1 bón) thừa khả năng đáp ứng yêu cầu của Đề án.

### III. VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

#### 1. Định mức hỗ trợ:

Căn cứ quy trình tạm thời khắc phục hiện tượng vàng lá, thối rễ và quy trình kỹ thuật canh tác quýt Hồng theo VietGAP của tỉnh ban hành, định mức hỗ trợ như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng (ha)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng/ha)
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ khắc phục (KPDB)</b>	<b>1 ha</b>			<b>53.700.000</b>
1	Phân hữu cơ	Tấn	15	3.500.000	52.500.000
2	Nấm Trichoderma	Kg	10	120.000	1.200.000
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ trồng lại (khôi phục)</b>	<b>1 ha</b>			<b>83.700.000</b>
1	Phân hữu cơ	Tấn	15	3.500.000	52.500.000
2	Nấm Trichoderma	Kg	10	120.000	1.200.000
3	Giống quýt Hồng	Cây	750	40.000	30.000.000

#### 2. Nhu cầu vốn: (Phụ lục 7)

Tổng kinh phí thực hiện Đề án là: 73.058,1 triệu đồng; Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ sản xuất giống từ 02 cây đầu dòng: 100 triệu.
- Kinh phí hỗ trợ bình tuyển thêm 15 cây đầu dòng: 450 triệu.
- Kinh phí xây dựng nhà lưới nhân giống sạch: 250 triệu.
- Kinh phí hỗ trợ máy xeo đất: 840 triệu.
- Kinh phí triển khai thực hiện Đề án: 45,9 triệu.
- Kinh phí thông tin tuyên truyền, in quy trình, in tờ bướm: 304,6 triệu.
- Kinh phí chuẩn bị Clip hướng dẫn QT sản xuất và ủ phân hữu cơ: 60 triệu.
- Kinh phí sơ, tổng kết hằng năm: 45.9 triệu

- Kinh phí vật tư vùng KPDB: 21.341,45 triệu.
- Kinh phí vật tư vùng trồng lại: 37.366,61 triệu.
- Kinh phí hỗ trợ giống vùng trồng lại: 10.437,6 triệu.
- Kinh phí quản lý Đề án: 1.816 triệu.

### **3. Cơ cấu nguồn vốn: (Phụ lục 7)**

Tổng vốn thực hiện: 73.058,1 triệu đồng.

- Vốn ngân sách Tỉnh: 35.412,83 triệu đồng.
- Vốn ngân sách Huyện: 2.722,4 triệu đồng.
- Vốn đối ứng của nông dân: 34.922,83 triệu đồng.

### **4. Phân công thực hiện kinh phí Đề án:**

Kế hoạch phân công thực hiện kinh phí (Phụ lục 8).

## **IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Hiệu quả kinh tế:**

- Hiệu quả khi thực hiện đề án đến 2024, năng suất trung bình đạt 35 tấn/ha, tổng thu 1.750 triệu đồng/ha, tổng chi phí 506,9 triệu đồng/ha, lợi nhuận 1.243,07 triệu đồng/ha, tỷ lệ lợi nhuận 245%. So sánh với năm 2019 năng suất tăng 35 tấn/ha, lợi nhuận tăng 1.598 triệu đồng/ha, tỷ lệ lợi nhuận tăng 377%.

- Đến năm 2024, diện tích quýt Hồng đạt 546,63 ha, sản lượng 19.132 tấn, sản lượng tăng 16.952 tấn so với năm 2019, đạt giá trị 725.289 triệu đồng, mang lại lợi nhuận bình quân hàng năm trên 145 tỷ đồng/năm.

### **2. Hiệu quả xã hội:**

- Khi Đề án được phê duyệt, các mô hình trình diễn sẽ là hạt nhân mở rộng, là nơi để các hộ nông dân đến tham quan học tập, từng bước nâng cao chất lượng trái quýt Hồng theo tiêu chuẩn mong muốn.

- Trình độ của nhà vườn được nâng lên đảm bảo sản xuất an toàn và bền vững.

- Bảo tồn, phát triển vùng trồng đặc sản quýt Hồng tập trung tại huyện Lai Vung.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. UBND huyện Lai Vung**

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Tỉnh về kết quả triển khai thực hiện.

- Phân công Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các ngành chuyên môn và UBND các xã tham gia Đề án trực tiếp triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm kết quả trước Huyện ủy và UBND Huyện.

## 2. Sở Tài chính

Hỗ trợ góp ý dự toán kinh phí và cơ cấu nguồn vốn thực hiện Đề án; đề xuất kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh cho địa phương.

## 3. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Phối hợp với đơn vị chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ “Nghiên cứu đánh giá đất đai sản xuất nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp” thuộc chương trình phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để tiếp nhận kết quả áp dụng vào sản xuất nhằm phát triển bền vững cây có múi phù hợp với điều kiện thực tế tỉnh Đồng Tháp.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan nghiên cứu và các cơ quan chuyên môn của tỉnh Đồng Tháp, huyện Lai Vung triển khai nghiên cứu, thử nghiệm các giải pháp kỹ thuật canh tác tiến bộ và khắc phục hiện tượng vàng lá thối rễ, chết xanh trên cây quýt Hồng và cây có múi.

- Cung cấp thông tin khoa học công nghệ về cây có múi cho cơ quan truyền thông để phổ biến rộng rãi cho nhà vườn áp dụng.

## 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Phối hợp Viện Nghiên cứu Cây ăn quả Miền Nam tổ chức nhân nhanh giống quýt Hồng đạt chuẩn sạch và chất lượng tốt trên cơ sở các cây quýt Hồng đầu dòng của huyện được bình chọn để kịp thời cung cấp cho Đề án.

- Chỉ đạo Trung tâm Ứng dụng Nông nghiệp công nghệ cao nhận chuyển giao kỹ thuật nhân giống quýt Hồng sạch bệnh để cung ứng cho nông dân.

- Phối hợp với UBND huyện Lai Vung và Viện Cây ăn quả Miền Nam bình tuyển và công nhận thêm cây quýt Hồng đầu dòng để góp phần cung ứng nguồn giống sạch bệnh cho nhà vườn trồng lại trong đề án.

## **PHẦN IV: KẾT LUẬN**

- Các nội dung, phương pháp và các phương án triển khai thực hiện của Đề án cho thấy có tính khả thi cao, có cơ sở khoa học và tính thực tiễn cao.

- Đề án khi được triển khai thực hiện sẽ đem lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội cao góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho nhà vườn trồng quýt Hồng vượt qua giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Kết quả của Đề án sẽ góp phần giữ vững và phát triển giá trị nhãn hiệu chứng nhận cũng thương hiệu “Quýt Hồng Lai Vung”, một đặc sản nổi tiếng ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.